Tài liệu mô tả tổng quan

1. Tổng quan về hệ thống
   1. Phát biểu bài toán

Sự phổ biến của smartphone tại Việt Nam đang trong giai đoạn tăng cao. Đi kèm với nó là sự tang cường nhu cầu truy cập các nội dung trên mạng thông qua thiết bị di động. Việc này khiến các kênh khuyến mãi và tài trợ cước dữ liệu di động trở nên ngày một hiệu quả trong việc tiếp cận của khách hàng, đồng thời giúp cải thiện trải nghiệm của người dung.

* 1. Phạm vi hệ thống
     1. Danh sách nhóm người sử dụng hệ thống

Có 2 nhóm user sử dụng hệ thống:

* Nhóm nhân viên quản trị dịch vụ bao gồm: Admin, Nhân viên kinh doanh(NVKD), Nhân viên tài chính(NVTC)
* Khách hàng bao gồm các doanh nghiệp ký hợp đồng sử dụng dịch vụ.
  + 1. Mô hình tổng thể hệ thống

1. Thống nhất về yêu cầu/ chức năng nghiệp vụ
   1. Phân hệ AMS
      1. Đăng nhập
         1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Đăng nhập |
| Mô tả | Chức năng cho phép đăng nhập vào web của hệ thống |
| Tác nhân | Người sở hữu tài khoản đăng nhập hệ thống |
| Điều kiện trước | Đăng nhập vào AMS Web: Người sử dụng kết nối tới mạng Internet và sở hữu account đăng nhập ở trạng thái active |
| Điều kiện sau | Đăng nhập thành công:   * Người dùng được phép sử dụng các chức năng nghiệp vụ mà web cung cấp * Phiên đăng nhập kết thúc sau 15’   Đăng nhập không thành công:   * Hệ thống thông báo số lần đăng nhập không thành công * Sau khi đăng nhập sai quá 5 lần, người dùng được yêu cầu nhập capcha cho các lần đăng nhập kế tiếp cho đến khi đưa ra thông tin đăng nhập đúng |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Biểu đồ luồng xử lý chức năng
      2. Mô tả dòng sự kiện chính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| Truy cập vào web, nhập tên đăng nhập và mật khẩu | Kiểm tra thông tin đăng nhập và redirect người dùng về trang chủ nếu đăng nhập thành công | R |
|  |  |  |

* + - 1. Mô tả dòng sự kiện phụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| 1. Sai thông tin đăng nhập dưới 5 lần | 1. Thông báo sai thông tin đăng nhập và tiếp tục cho phép đăng nhập lại bình thường |  |
| 1. Sai thông tin đăng nhập từ 5 lần trở lên | 1. Thông báo đăng nhập sai quá 5 lần và yêu cầu nhập capcha cho các lần đăng nhập kế tiếp cho đến khi đăng nhập thành công |  |
|  |  |  |

* + 1. Đăng xuất
* Thực hiện đăng xuất tài khoản.
  + 1. Đổi mật khẩu

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Đổi mật khẩu tài khoản cá nhân |
| Mô tả | Cho phép thay đổi mật khẩu sử dụng để đăng nhập web |
| Tác nhân | Người sở hữu tài khoản đăng nhập hệ thống |
| Điều kiện trước | * Người sử dụng đăng nhập vào web. * Người sử dụng được yêu cầu nhập mật khẩu cũ. * Mật khẩu mới phải khác mật khẩu cũ * Mật khẩu mới phải nhập 2 lần và phải trùng nhau. * Mật khẩu mới phải thỏa mãn điều kiện tạo mật khẩu (bao gồm ít nhất 8 kí tự, bắt buộc phải chứa kí tự thường, hoa, kí tự số, kí tự đặc biệt). |
| Điều kiện sau | * Tài khoản đăng xuất sau khi đổi mật khẩu thành công. * Mật khẩu mới có hiệu lực ngay lập tức. |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Thông tin chung chức năng
      2. Biểu đồ luồng xử lý
      3. Mô tả dòng sự kiện chính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| * + - 1. Nhập mật khẩu mới và mật khẩu cũ. | * + - 1. Kiểm tra mật khẩu mới có phù hợp , đồng thời kiểm tra mật khẩu cũ |  |
|  |  |  |

* + - 1. Mô tả dòng sự kiện phụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| 1. Thông tin đưa ra không thỏa mãn các quy tắc để thay đổi mật khẩu | 1. Thông báo mật khẩu thay đổi không thành công kèm nguyên nhân |  |
|  |  |  |

* + 1. Danh sách khách hàng
       1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Xem danh sách doanh nghiệp |
| Mô tả | Chức năng cho phép hiển thị danh sách các doanh nghiệp đang sử dụng dịch vụ trên giao diện web |
| Tác nhân | Admin, NVKD, NVTC |
| Điều kiện trước | Người sử dụng đăng nhập vào AMS web |
| Điều kiện sau |  |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Ghi chú
* ADMIN có thể xem danh sách tất cả doanh nghiệp đăng kí tài khoản trên hệ thống còn NVKD và NVTC chỉ có thể xem danh sách doanh nghiệp mình hỗ trợ.
  + 1. Tạo tài khoản doanh nghiệp
       1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Tạo tài khoản doanh nghiệp |
| Mô tả | Chức năng cho phép khai báo thông tin doanh nghiệp sử dụng dịch vụ và tạo tài khoản đăng nhập web cho doanh nghiệp đó |
| Tác nhân | * Admin hoặc NVKD * Đại diện doanh nghiệp |
| Điều kiện trước | * Người sử dụng truy cập vào AMS web * Có các thông tin của doanh nghiệp và đại diện doanh nghiệp * Doanh nghiệp chưa có tài khoản trên hệ thống |
| Điều kiện sau | * Thông tin đăng nhập tài khoản được gửi về doanh nghiệp qua email |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt | * NVKD và NVTC tham gia hỗ trợ doanh nghiệp có tài khoản truy cập AMS web ở trạng thái active |

* + - 1. Biểu đồ luồng xử lý
      2. Mô tả dòng sự kiện chính (Basic Flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| 1. Nhập thông tin doanh nghiệp và thông tin người đại diện | 1. Kiểm tra thông tin nhập vào |  |
|  | 1. Tạo tài khoản cho doanh nghiệp và email thông báo về cho người đại diện doanh nghiệp |  |

* + - 1. Mô tả dòng sự kiện phụ
      2. Ghi chú
* Các thông tin doanh nghiệp cần cung cấp gồm: Tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ doanh nghiệp
* Các thông tin đại diện doanh nghiệp cần cung cấp gồm: Tên người đại diện, email liên hệ, số điện thoại liên hệ.
* Các thông tin như số điện thoại và email không được trùng với tài khoản khác.
  + 1. Chỉnh sửa thông tin doanh nghiệp
       1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Chỉnh sửa thông tin doanh nghiệp |
| Mô tả | Chức năng cho phép chỉnh sửa các thông tin cơ bản của doanh nghiệp và thông tin người đại diện doanh nghiệp |
| Tác nhân | * Admin * Đại diện doanh nghiệp |
| Điều kiện trước | * Người sử dụng truy cập vào AMS web * Thông tin thập vào đúng fomat |
| Điều kiện sau | * Các thông tin liên lạc như email và số điện thoại sau khi được thay đổi sẽ có hiệu lực ngay lập tức * NVKD và NVTC phụ trách doanh nghiệp sau khi được thay đổi không còn khả năng tác động lên doanh nghiệp. |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Biểu đồ luông xử lý chức năng
      2. Mô tả dòng sự kiện chính (Basic flow)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| 1. Chọn và thay đổi thông tin   Nếu muốn thay đổi trạng thái tài khoản, chuyển qua luồng sự kiện phụ: thay đổi trạng thái tài khoản doanh nghiệp | 1. Kiểm tra thông tin nhập vào |  |
|  | 1. Cập nhật lại thông tin doanh nghiệp |  |

* + - 1. Mô tả dòng sự kiện phụ (Alternative Flow)

Thay đổi trạng thái tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Thay đổi trạng thái tài khoản |
| Mô tả | Chức năng cho phép thay đổi trạng thái hoạt động của doanh nghiệp |
| Tác nhân | * Admin |
| Điều kiện trước | * Truy cập vào AMS web * Chức năng được thao tác qua quá trình thay đổi thông tin của tài khoản |
| Điều kiện sau | * Các thông tin liên lạc như email và số điện thoại sau khi được thay đổi sẽ có hiệu lực ngay lập tức * NVKD và NVTC phụ trách doanh nghiệp sau khi được thay đổi không còn khả năng tác động lên doanh nghiệp. |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Ghi chú
* Không thể thay đổi mã doanh nghiệp
* Các thông tin như mã doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, email liên hệ không được trung nhau khi chỉnh sửa
* Trạng thái tài khoản được cập nhật như 1 thông tin khi chỉnh sửa tài khoản
* Tài khoản doanh nghiệp ở trạng thái active mới có thể đăng nhập và sử dụng dịch vụ
* Tài khoản doanh nghiệp ở trạng thái inactive cần phải được active bởi admin mới có thể đăng nhập và sử dụng dịch vụ
  + 1. Chi tiết khách hàng
       1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Xem thông tin chi tiết doanh nghiệp |
| Mô tả | * Cho phép xem thông tin giao dịch của doanh nghiệp * Cho phép xem thông tin tài khoản của doanh nghiệp * Cho phép theo dõi tiền trong tài khoản của doanh nghiệp * Cho phép thực hiện các thao tác đăng ký gói addon. * Cho phép cấu hình chính sách đăng ký gói addon |
| Tác nhân | Admin, NVKD, NVTC |
| Điều kiện trước | * Truy cập vào AMS web |
| Điều kiện sau |  |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Ghi chú
* Trang chi tiết doanh nghiệp hiển thị các chức năng khác nhau khi đăng nhập bằng những tài khoản có vai trò khác nhau
  + 1. Chi tiết giao dịch nạp tiền
       1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Chi tiết giao dịch nạp tiền |
| Mô tả | Chức năng cho phép xem thông tin về một giao dịch nạp tiền mà doanh nghiệp đã thực hiện. |
| Tác nhân | Admin, NVTC, NVKD |
| Điều kiện trước | Doanh nghiệp nạp tiền thành công, kết quả giao dịch được cập nhật trên trên lịch sử hoạt động của doanh nghiệp |
| Điều kiện sau |  |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt |  |

* + - 1. Ghi chú

N/A

* + 1. Khai báo phụ lục hợp đồng
       1. Thông tin chung chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chức năng | Khai báo phụ lục hợp đồng |
| Mô tả | Chức năng cho phép khai báo hợp đồng ký kết với doanh nghiệp |
| Tác nhân | * Admin |
| Điều kiện trước | * Truy cập vào AMS web |
| Điều kiện sau | * Cho phép cấu hình chính sách đăng ký * NVKD và NVTC phụ trách doanh nghiệp sau khi được thay đổi không còn khả năng tác động lên doanh nghiệp. |
| Ngoại lệ |  |
| Yêu cầu đặc biệt | Mỗi hợp đồng/hợp đồng phụ lục khi khai báo được đính kèm file scan. |

* + - 1. Biểu đồ luồng xử lý chức năng
      2. Mô tả dòng sự kiện chính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của tác nhân | Phản ứng của hệ thống | Dữ liệu liên quan(C/R/U/D) |
| 1. Chọn và thay đổi thông tin   Nếu muốn thay đổi trạng thái tài khoản, chuyển qua luồng sự kiện phụ: thay đổi trạng thái tài khoản doanh nghiệp | 1. Kiểm tra thông tin nhập vào |  |
|  | 1. Cập nhật lại thông tin doanh nghiệp |  |